

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC BÌNH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2023/DSST**

Ngày: 30/11/2023

*“ V/v Tranh chấp*

*Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH - BÌNH THUẬN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Khoa

Bà Phạm Thị Bích Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân, Thư ký Tòa án huyện Bắc Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khánh Dung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-DS ngày 25/3/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST-DS ngày 17/10/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số :23/2023/QĐST-DS, ngày 03/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1974

Địa chỉ: 39-41 Chu Văn An, thôn Hải X, xã N, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Vợ chồng ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961

Bà Võ Thị Kiều O, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Số 25 hẻm Võ Thị Sáu, thôn X, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Vũ Thị Hoàng L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 04 Huỳnh Thúc kháng, TT C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Ông H và bà L; có mặt. Ông N và bà O; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 08/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:*

Vào năm 2010 đến trước ngày 15/9/2013 vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O có mua vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu, lúa giống và mượn tiền ông để đầu tư nông nghiệp. Hai bên thống nhất sau khi thu hoạch thì ông N bà O sẽ bán sản phẩm và thanh toán tiền chợ vợ chồng ông, nhưng vợ chồng ông N không trả hết và số nợ ngày càng tăng cao. Vì vợ chồng ông N bà O không có khả năng trả nên ông dừng bán vật tư cho vợ chồng ông N. Đến ngày 15/9/2013 hai bên thống nhất chốt lại số nợ là 122.997.000 đồng và cHển sang cho vay có lập giấy vay do ông N ký và tính lãi 1%/tháng, cứ 3 tháng trả lãi 01 lần nhưng từ đó đến nay vợ chồng ông N vẫn không trả cho ông được đồng nào cả.

Lúc mua vật tư thì ông N là người đi mua và việc mượn tiền cũng do ông N đến nhà ông mượn, việc mua vật tư này bà O vẫn biết vì mua để đầu tư nông nghiệp cho gia đình ông bà.

Sau đó ông đã nhiều lần đòi số nợ này nhưng vợ chồng ông N không trả. Có 01 lần mời lên xã Hải Ninh hòa giải, ông N hứa sẽ bán đất sẽ trả nợ cho ông. Lúc đó xã không lập biên bản hòa giải chỉ nói miệng và động viên để hai bên thương lượng.

Chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 15/9/2013 ông cam đoan là do của ông N ký. Nhưng trong quá trình Tòa án mời làm việc ông N không đến Tòa và trình bày là không ký vào giấy vay ngày 15/9/2013 nên ông đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông N và ông thống nhất với kết luận giám định.

Đây là tiền chung của vợ chồng do đó ông yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền 122.997.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín bảy ngàn đồng) gốc và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 36/2022/TLST-DS ngày 25/3/2022 nhưng từ chối không nhận lý do là không nợ ai và không có ý kiến bằng văn bản cũng như không có yêu cầu phản tố gửi Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 03/TB-TA, ngày 06/01/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 114/TB-TA, ngày 05/9/2023; Thông báo kết quả phiên họp ngày 20/9/2023. Tuy nhiên ông N bà O đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Ông N bà O cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả giám định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Hoàng L trình bày:* Bà và ông Nguyễn Minh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chợ Lầu. Bà thống nhất với ý kiến của ông H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền vay là 122.997.000 đồng.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Bắc Bình phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 122.997.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Minh H và bà Vũ Thị Hoàng L.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn chịu án phí và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O có nơi cư trú tại: Thôn X, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm có mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Minh H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O phải trả cho vợ chồng ông số tiền 122.997.000 đồng theo giấy vay lập ngày 15/9/2013 giữa hai bên nên xác định đây là việc kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” quan hệ trên được pháp luật dân sự điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa ông Nguyễn Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng ông N bà O phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền vay là 122.997.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, tại giai đoạn giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh H có cung cấp các chứng cứ là giấy vay tiền ngày 15/9/2013.

Bị đơn vợ chồng ông N bà O đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa vì theo ông N và bà O là vợ chồng ông bà không nợ ai và không ký vào giấy vay nào cho ông H và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào.

Theo yêu cầu của ông Nguyễn Minh H Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết của ông N trong giấy vay tiền ngày 15/9/2013. Tài liệu để giám định là: giấy vay tiền ngày 15/9/2013; chữ ký thu thập của ông Nguyễn Văn N ngày 15/6/2023; phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; hợp đồng tín dụng; báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 23/6/2022; báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 22/6/2023.

Theo kết luận giám định số 1025/KL-KTHS, ngày 08/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận.

“... ”

*Chữ viết có nội dung “Nguyễn Văn N” dưới mục : “Bên vay” (tại vị trí góc dưới trái) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu so sách ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết”*

Căn cứ vào kết luận giám định có cơ sở để khẳng định giấy vay tiền lập ngày 15/9/2013 giữa bên vay là ông Nguyễn Văn N và bên cho vay là ông Nguyễn Minh H là có thật. Mặc dù ông N từ chối nhận văn bản tố tụng vì cho rằng không có nợ ai nhưng lại không đưa ra tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Lời khai của ông H phù hợp với chứng cứ ông H cung cấp.

Mặc dù ông N là người đứng ra trực tiếp vay số tiền của vợ chồng ông H nhưng mục đích vay tiền để mua vật tư và đầu tư cho nông nghiệp, phục vụ cho kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà O là vợ ông N có biết việc này. Theo trích lục kết hôn số 427/TLKH-BS ngày 07/11/2023 của UBND xã H thì ông N và bà O hiện là vợ chồng hợp pháp, việc vay tiền diễn ra trong thời kỳ hôn nhân do đó theo quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014 thì đây là nợ chung của vợ chồng nên ông N và bà O cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng ông H.

Xét thấy có sự việc ông Nguyễn Minh H cho ông Nguyễn Văn N vay số tiền 122.997.000 đồng, việc vay tiền là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật. Do đó việc ông H yêu cầu vợ chồng ông N, bà O trả số tiền nợ gốc 122.997.000 đồng cho vợ chồng ông là có cơ sở chấp nhận. Ông H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí.

Bị đơn vợ chồng ông N bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Võ Thị Kiều O là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật nên không được miễn án phí.

[ 5]. Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ viết là 3.300.000 đồng ông H đã nộp số tiền này, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Võ Thị Kiều O phải trả lại số tiền 3.300.000 đồng cho ông Nguyễn Minh H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Minh H và bà Vũ Thị Hoàng L số tiền 122.997.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín bảy ngàn đồng).

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O phải nộp 6.149.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.074.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002248 ngày 25/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Bắc Bình.

Về chi phí giám định: Do ông Nguyễn Minh H đã nộp 3.300.000 đồng nên buộc vợ chồng Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Kiều O trả lại cho ông H số tiền 3.300.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- VKSND(tỉnh + Hện);
- CCTHADS Hện;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Thanh Nữ Kiều Oanh**